TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-08-2026
"*V/v ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Long
2. Ông Trần Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 10 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/06/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 246/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 16/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thái N**, sinh năm 1992 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A (*ấp A cũ*), xã B, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hửu T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã D, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thái N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hửu T quen biết và có tình cảm với nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là UBND xã D, tỉnh Vĩnh Long*) vào ngày 26/02/2018.

Sau một thời gian chung sống, chị và anh T đã bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi, cả hai đã rất nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm, nhưng không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Chị nhận thấy sự bất đồng trong cuộc sống của cả hai ngày càng gay gắt hơn, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hửu T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn N Thùy L, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn N Thùy D, sinh ngày 13/02/2018. Hiện tại 02 cháu đang sinh sống cùng với anh T, nên chị giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hửu T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/07/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thái N trình bày: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hửu T. Về con chung: Chị giao 02 người con chung là cháu Nguyễn N Thùy L, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn N Thùy D, sinh ngày 13/02/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung. Về T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp T liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thái N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con*"; bị đơn anh Nguyễn Hửu T cư trú tại xã D, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn Hửu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung*:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thái N và Nguyễn Hửu T có quen biết tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là xã D, tỉnh Vĩnh Long*), ngày 26/02/2018, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thái N trình bày: Sau một thời gian chung sống, chị và anh T đã bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi, cả hai đã rất nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm, nhưng không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Chị nhận thấy sự bất đồng trong cuộc sống của cả hai ngày càng gay gắt hơn, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hửu T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị N, anh T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thái N được ly hôn với anh Nguyễn Hửu T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thái N khai có con chung với anh Nguyễn Hửu T là cháu Nguyễn N Thùy L, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn N Thùy D, sinh ngày 13/02/2018. Khi ly hôn chị N giao con cho anh T nuôi dưỡng.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*; *nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Hiện anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các cháu L, D cũng có nguyện vọng sống chung với anh T. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu về tâm sinh lý, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N là giao là cháu Nguyễn N Thùy L, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn N Thùy D, sinh ngày 13/02/2018 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thái N được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thái N khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Hửu T cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về T sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thái N khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Hửu T cũng chưa có văn bản nào trình bày về T sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thái N được ly hôn với anh Nguyễn Hửu T.

[2]. *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn N Thùy L, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn N Thùy D, sinh ngày 13/02/2018 cho anh Nguyễn Hửu T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu.

Chị Nguyễn Thái N được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về T sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thái N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007754, ngày 23/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã D, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo